TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 187/2025/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 03 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 48, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 và Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1983

Căn cước công dân số: 038183015850

Địa chỉ: Thôn Thanh S, xã N, thị xã N, tỉnh T; nơi cư trú: Số 264/10/17/8 đường L, khu phố 3, phường T, Quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lưu Văn T, sinh năm 1980

Căn cước công dân số: 038080005395

Địa chỉ: Thôn Thanh S, xã N, thị xã N, tỉnh T; địa chỉ liên lạc: Số 3/37/11 đường số 25A, phường T, Quận B, Thành Phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26 tháng 3 năm 2025, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề trong việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cụ thể:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Lưu Văn T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 89 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh T cấp ngày 12/02/2002).

[2] Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Lưu Văn T xác định có hai con chung tên Lưu Vũ D, sinh ngày 15/02/2003 (đã thành niên) và Lưu Quỳnh N, sinh ngày 05/9/2007. Hai bên thỏa thuận bà Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Lưu Quỳnh N cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng cho con do hai bên tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị T và ông Lưu Văn T xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về Lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị T và ông Lưu Văn T chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Lưu Văn T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 89 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh T cấp ngày 12/02/2002).

- Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Lưu Văn T xác định có hai con chung tên Lưu Vũ D, sinh ngày 15/02/2003 (đã thành niên) và Lưu Quỳnh N, sinh ngày 05/9/2007. Hai bên thỏa thuận bà Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Lưu Quỳnh N cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng cho con do hai bên tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lưu Văn T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị T và ông Lưu Văn T xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị T và ông Lưu Văn T chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23P, số: 0037014 ngày 07/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Đương sự;
- UBND xã N, huyện T, tỉnh T (GCNKH số: 89 đăng ký ngày 12/02/2002);
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự. (Việt Phương)

THẨM PHÁN

Phạm Văn Thạnh

TAND QUẬN 7

2IW030425.TL.QDBA
911